

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 385/2019/DS-PT

Ngày: 28/10/2019

“V/v tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2019/TLPT-DS ngày 11/6/2019 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 285/2019/QĐ-PT ngày 05/7/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 398/TB-TA ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (T1), sinh năm 1930.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà Võ Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ: Phường I, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1931;

2. NLQ2, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. NLQ3, sinh năm 1940;

4. NLQ4, sinh năm 1952;

5. NLQ5, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

6. NLQ6.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M – Chủ tịch.

7. NLQ7, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. NLQ8.

Địa chỉ: Phường I, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

9. NLQ9, sinh năm 1984;

10. NLQ10, sinh năm 1981;

11. NLQ11, sinh năm 2016;

12. NLQ12, sinh năm 1972;

13. NLQ13, sinh năm 1941;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

14. NLQ14, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 491, đường 30/4, tổ 22, khóm 2, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

15. NLQ15, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T (T1) là bị đơn.

(Có mặt: bà H, bà N, NLQ3; vắng mặt: NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ7, NLQ6, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Cha mẹ của bà H là cụ Nguyễn Văn H và cụ Đào Thị K có 07 người con. Cụ K có diện tích đất 4.500m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng cụ K để lại. Cụ K chết năm 2014. Ngày 20/01/2004, cụ K lập di chúc có xác nhận của UBND xã T và có sự đồng ý ký tên của các con cụ K. Phân chia diện tích đất 4.500m² cho 04 người con gồm: Ông Nguyễn Văn T (T1), NLQ1, Nguyễn Thị H, NLQ2.

Theo di chúc bà H được chia 06m x 20 = 120m², trên phần đất được chia bà H đã cất nhà ở bằng gỗ từ năm 1997 đến nay.

Sau khi cụ K chết, ông T (T1) đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ) thửa 115, tờ bản đồ số 15. Trong đó, có phần đất bà H đang sử dụng. Nay bà H yêu cầu:

- Được chia thừa kế 120m² đất theo di chúc cụ K để lại ngày 20/01/2004. Và yêu cầu được sử dụng diện tích đất 12,5m² thực tế bà đang sử dụng, bà đồng ý trả giá trị cho ông T1.

- Yêu cầu NLQ6 thu hồi 01 phần Giấy CNQSDĐ cấp cho ông T1 diện tích 132,5m² để cấp lại cho bà.

- Ngoài ra, bà H đồng ý tháo dỡ, di dời một phần căn nhà trả lại cho ông T1 diện tích đất 4m² trong phạm vi các mốc 5, 5A, 5B, 5C về mốc 5 và một phần mái che cấp lộ, phía trước nhà bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T (T1) trình bày:

Ông thống nhất cụ K và cụ H có 07 người con như bà H trình bày.

Trước và sau năm 1975, cha mẹ và các anh em cùng tạo lập 01 số đất ở xã B, huyện C; ở xã T, thành phố C. Đất ở B cụ K đã cho bà H 8.000m², đất ở T 6.500m² khi cha mẹ còn sống bà H cũng canh tác. Khi cha mẹ qua đời bà H tự kê khai đăng ký quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) cho mình và hưởng 01 số tiền vàng của cha mẹ để lại nhưng phần này các đương sự không tranh chấp. Ông không đồng ý chia cho bà H diện tích đất 132,5m² đất, do bà H đã hưởng quá nhiều phần tài sản của cha mẹ để lại.

Cụ K có để lại di chúc cho đất ông T1 và ông được cấp QSDĐ 1.785,6m² (do không đủ đất để chia theo di chúc) để thờ cúng hàng năm 08 lễ giỗ.

Trên đất ông được cấp QSDĐ có căn nhà bà H, ông T (T1) đồng ý bà H được ở đến hết đời bà H, không đồng ý chia đất theo yêu cầu bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ2, NLQ1, NLQ3, NLQ5, NLQ4 trình bày: Các ông, bà có cùng ý kiến với ông T (T1), nay các ông bà không yêu cầu chia thừa kế phần đất cha mẹ để lại.

- NLQ6 không có ý kiến.

- NLQ8 cho rằng trước đây NLQ7 có thể chấp QSDĐ đất tên T1 vay tiền, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm NLQ7 đã trả tiền xong. Nay Ngân hàng không yêu cầu gì mà đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án thành phố C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà H.

Công nhận bà H được quyền sử dụng đất 132,5m² tại thửa 115, tờ bản đồ số 15 tọa lạc xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà H có nghĩa vụ di dời diện tích nhà 04m² theo các mốc 5, 5A, 5B, 5C để trả đất cho ông T (T1).

Bà H có nghĩa vụ tháo dỡ diện tích mái che 3,2m² đã xuống cấp không còn sử dụng phía trước trả lại đất cho ông T1.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất 132,5m² trong giấy QSDĐ đất do NLQ6 cấp cho ông T1 tại thửa 115, TĐĐ số 15 cấp lại cho bà H.

Bà H có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông T1 số tiền 4.875.000đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm trả tiền, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 03/5/2019 ông T (T1) kháng cáo yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T (T1) trả lại cho bà diện tích đất 132,5m² được hưởng thừa kế của cụ K và hủy 01 phần giấy chứng nhận QSDĐ đất thuộc thửa 115, TĐĐ số 15 đã cấp cho ông Nguyễn Văn T (T1).

- Ông Nguyễn Văn T (T1) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý chia đất cho bà Nguyễn Thị H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T (T1), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Văn T (T1), sau đây viết tắt là ông T1 để không nhầm lẫn với NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Theo đó, ông T1 kháng cáo không đồng ý chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 132,5m², thuộc một phần thửa đất số 115, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc xã T, thành phố C mà chỉ đồng ý cho bà H ở đến hết đời. Ông T1 nêu ra 02 căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình: Một là diện tích đất thực tế không đủ chia theo di chúc của cụ K,

mặt khác các anh em là con cụ K (trừ bà H) đã thỏa thuận chia đất xong. Nếu cho bà H được thừa kế diện tích đất 132,5m² thì đất ông T1 sẽ thiếu so với di chúc; Hai là, bà H đã được sử dụng nhiều tài sản khác của cha mẹ cho. Còn ông T1 chỉ được chia diện tích đất hiện nay để thờ phụng ông bà, cha mẹ và tổ chức các đám tiệc hằng năm.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

[1] Có căn cứ xác định đất đang tranh chấp diện tích 132,5m² (bao gồm 120m² yêu cầu theo di chúc và 12,5m² bà H đã cất nhà, sử dụng ổn định) là di sản thừa kế của cụ Đào Thị K. Vì các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Hon chết năm 1975 và bà Đào Thị K chết năm 2014 để lại. Khi còn sống, ông H và bà K tạo lập được nhiều tài sản, đã có phân chia cho các con một phần tài sản. Còn lại diện tích đất 4.500m² tại ấp T, xã T, thành phố C là nơi cụ K ở đến khi chết, hiện nay cũng được chôn cất tại diện tích đất này.

Cụ Hon và cụ K có 07 người con là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T (T1), NLQ1, NLQ3, NLQ4, NLQ2, NLQ4. Khi Tòa án thẩm định tại chỗ, các con của cụ K đều tham gia tố tụng trong vụ án này và thừa nhận diện tích đất 132,5m² đang tranh chấp nằm trong diện tích 4.500m² đất là di sản thừa kế của cụ K.

[2] Bà H yêu cầu được chia diện tích đất 120m² theo di chúc là có căn cứ.

Để chứng minh cho lời khai của mình, bà H có cung cấp Tờ di chúc ngày 20/01/2004 của cụ Đào Thị K. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1, NLQ2, NLQ3, NLQ5 cho rằng cụ K đã cho ông T1 diện tích đất đang tranh chấp để thờ cúng ông bà, cha mẹ và NLQ3 không thừa nhận có ký tên vào di chúc. Tuy nhiên, Tờ di chúc có xác nhận của UBND xã T vào ngày 29/01/2004 và các đương sự cũng thừa nhận Tờ di chúc này đã được công bố tại đám giỗ, khi đó có mặt các anh chị em trong gia đình. Sau này, người giữ Tờ di chúc là NLQ2, NLQ2 cũng thừa nhận. Ngoài ra, các đương sự cũng không cung cấp văn bản nào khác thể hiện việc cụ K thay đổi Tờ di chúc. Cho nên Tờ di chúc là văn bản cuối cùng thể hiện ý nguyện của cụ K và được pháp luật công nhận.

Theo đó, Tờ di chúc ngày 20/01/2004, cụ K có nêu rõ diện tích và vị trí đất được chia, cụ thể:

1. NLQ1 được QSDĐ ngang 13m, dài 152m diện tích 1976m², nhưng tới mé đường lộ. Đông giáp Út Mĩ, Tây giáp Hai Cũ.

2. Ông Nguyễn Văn T (T1) được QSDĐ ngang 12m, dài 168m, nhưng tới mé sông. Đông giáp NLQ1, Tây giáp Hai Cũ.

3. Bà Nguyễn Thị H cho nhà được QSDĐ ngang 6m, dài 20m, diện tích 120m², Tây giáp ranh Hà Văn Cũ.

4. NLQ2 được quyền sử dụng đất mé sông diện tích 300m².

Việc sử dụng đất của các đương sự phù hợp với di chúc của cụ K về vị trí đất. Cụ thể, có ông T1, ông Liếp, NLQ2 đã tự thỏa thuận chia di sản của cụ K và có căn nhà của bà H đã xây dựng từ năm 1997. Khi ông T1 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì hồ sơ cũng thể hiện nhà của bà H. Đồng thời, 03 người con khác của cụ K là NLQ3, NLQ5, NLQ4 không yêu cầu được hưởng di sản này là hoàn toàn phù hợp với di chúc của cụ K.

Mặc dù, diện tích đất mà ông T1, ông Liếp và NLQ2 tự thỏa thuận chia không đúng với di chúc. Theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 08/8/2019 thì tổng diện tích đất cụ K để lại là 4.385,2m², ít hơn 114,8m² theo di chúc. Trong đó, NLQ2 đang sử dụng diện tích 257,6m², ít hơn diện tích được chia là 42,4m². Tại phiên tòa phúc thẩm, NLQ2 cũng đồng ý việc này. NLQ1 đang sử dụng diện tích đất 2.060m², dư 84m². Ông T1 đang sử dụng 1.934,5m² không có diện tích đất đang tranh chấp (trong đó, ông T1 tặng cho bà H1 sử dụng diện tích 126,9m², cho bà N được sử dụng diện tích 132,2m²). Như vậy, đất ông T1 thiếu 81,5m² so với di chúc. Do ông T1, NLQ1, NLQ2 đã tự thỏa thuận chia di sản của cụ K. Trong đó, ông T1 đã được cấp Giấy CNQSDĐ bao gồm diện tích đất 120m² mà cụ K đã chia cho bà H, hiện nay có căn nhà của bà H. Do đó, ông T1 không đồng ý chia đất cho bà H vì đất ông thiếu so với di chúc là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà H yêu cầu được hưởng 120m² đất là di sản của cụ K là có căn cứ chấp nhận.

[3] Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Tờ di chúc của cụ K, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của bà H trả giá trị cho ông T1 giá trị diện tích đất 12,5m² x 390.000 đồng là 4.875.000 đồng, do tổng diện tích căn nhà bà H đang sử dụng là 132,5m², nhiều hơn diện tích cụ K cho bà H 12,5m² và phần căn nhà này không thể tháo dỡ, di dời để trả lại đất là đúng quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 16/4/2019 của Tòa án thành phố C.

[4] Xét thấy, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phúc thẩm là 3.512.000 đồng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.756.000 đồng, bà H đã chi xong. Ông T1 phải chịu 1.756.000 đồng, ông T1 phải trả số tiền 1.756.000 đồng này cho bà H do bà H đã chi xong.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, do ông T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T (T1).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án thành phố C.

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của Bà Nguyễn Thị H.

Công nhận bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 132,5m², loại đất thổ, thuộc một phần thửa đất số 115 (tương ứng ô số 2), tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc 6, 6A, 6B, 6E, 5A, 5 về mốc 6 do ông Nguyễn Văn T (T1) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ di dời tài sản, vật kiến trúc trong phạm vi các mốc 5, 5A, 5B, 5C về mốc 5 để trả lại đất cho ông Nguyễn Văn T (T1).

Bà H có nghĩa vụ tháo dỡ mái che trong phạm vi các 6B, 6C, 6D, 6E về mốc 6B để trả lại đất cho ông T (T1).

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2016 của Tòa án thành phố C và Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 08/8/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất 132,5m² trong giấy quyền sử dụng đất do NLQ6 cấp cho ông Nguyễn Văn T (T1) tại thửa 115, tờ bản đồ số 15 để cấp lại cho bà Nguyễn Thị H.

2. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 12,5m² cho ông Nguyễn Văn T (T1) với số tiền 4.875.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản sơ thẩm: Chi phí thẩm định và định giá tổng cộng 2.971.000 đồng. Bà H đã tạm ứng xong nên ông T (T1) phải nộp 1.485.500 đồng để trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phúc thẩm là 3.512.000 đồng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.756.000 đồng, bà H đã chi xong. Ông Nguyễn Văn T (T1) phải chịu 1.756.000 đồng, ông Nguyễn Văn T (T1) phải trả số tiền 1.756.000 đồng này cho bà H do bà H đã chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà Nguyễn Thị H, Ông Nguyễn Văn T (T1).

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại 255.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 02016 ngày 10/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Nguyễn Văn T (T1) được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0008765 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh

